TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:76/2023/DS -PT
Ngày 06-3-2023
Về việc "*Tranh chấp thừa kế*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Chí Đức

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận;

Ông Nguyễn Thế Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Trần Thị Kim Ngân– Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 N 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 N 2022 về việc "Tranh chấp thừa kế".

Do Bản án dân S sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 13 tháng 07 N 2022 của Tòa án nhân dân huyện B2, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 N 2023, giữa các đương S:

- *Nguyên đơn:* Ông Phùng Văn L, sinh N 1985.

Địa chỉ: Ấp B1, xã M1, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Hồng Huệ, sinh N 1984. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Võ Tấn Thành - Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phùng Văn S, sinh N 1967.

Địa chỉ: Ấp B1, xã M1, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Trần Duy, sinh N 1992. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Hưng Nghĩa 1, xã Hưng Lễ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phùng Thị Sết, sinh N 1953; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B1, xã M1, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Phùng Văn Quyển, sinh N 1963; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B1, xã M1, huyện B2, tỉnh Bến Tre;

3. Bà Phùng Thị Đa, sinh N 1958; (có mặt)

Địa chỉ: Số 3/2 đường số 4, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Bà Phùng Thị Sử, sinh N 1960; (có đơn từ chối tham gia tố tụng)

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn B2, huyện B2, tỉnh Bến Tre;

5. Ông Phùng Văn Phích, sinh N 1965; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Xóm Mới, xã Mỹ Hòa, huyện B2, tỉnh Bến Tre;

6. Bà Phùng Thị Chung, sinh N 1969; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. 7. Bà Phùng Thị Phết, sinh N: 1950 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ:

- Hồ Thanh Phú, sinh N: 1976

- Hồ Thị Ngọc Diễm, sinh N: 1977.

- Hồ Thị Ngọc Nhung, sinh N: 1978

- Hồ Thanh Nhật, sinh N: 1980

Cùng trú tại: Ấp P, xã Ph, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

Chị Nhung và ông Nhật ủy quyền cho ông Quyển;

Anh Phú và chị Diễm ủy quyền cho ông S.

- *Người kháng cáo:* Ông Phùng Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2019 và trong quá trình tố tụng, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/9/2020 nguyên đơn Phùng Văn L và người đại diện theo uỷ quyền là bà Phan Thị Hồng H trình bày:

Yêu cầu chia di sản thừa kế thửa đất số 148, tờ bản đồ số 3 và thửa 18, tờ bản đồ số 7 có nguồn gốc của ông Phùng Văn N và bà Phạm T, khi chết có để

lại di chúc ngày 19/9/2012. Để lại toàn bộ thửa đất số 148, tờ số 3 và thửa đất số 18 tờ bản đồ số 17 và 01 căn nhà nằm trên phần đất thửa 18 cho Phùng Văn L để thờ cúng. Sau khi ông N chết thì chưa công bố di chúc và bà Phùng Thị Đa cho rằng trước khi ông N chết có nói miệng để lại nửa căn nhà và nửa diện tích đất cho ông L, ông S thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 3 mỗi người một nữa, lúc này mọi người con của ông N đều đồng ý, ông L không biết việc này chỉ nghe gia đình nói lại. Sau đó ông L có đưa tiền cho ông S làm thủ tục tách thửa đất nhưng ông S không thực hiện mà sang sổ cho ông S và ông S đứng tên 02 thử đất trên. Khi biết S việc thì bà Đa đưa ra tờ di chúc và yêu cầu ông S thực hiện theo đúng nội dung di chúc là trả lại 02 thửa đất số 148 có diện tích 1.838m^2 (hiện nay là thửa đất số 135, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.630,7m^2), tờ bản đồ số 3, đất và căn nhà thửa 18 diện tích là 218m^2 (nay là thửa đất số 335,336, tờ bản đồ số 27, diện tích 137m^2), tờ bản đồ số 17 cùng tọa lạc tại xã M1, huyện B2, tỉnh Bến Tre.

Nên ông L yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối vơi s02 thửa đất 148, tờ bản đồ số 3 và thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã M1, huyện B2 đã cấp cho ông S.

Yêu cầu được nhận phần đất thuộc thửa 148, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 35, tờ bản đồ số 07), diện tích 1.838m^2 (diện tích qua đo đạc thực tế là 1.630,7 m^2), tọa lạc tại xã M1. Phần đất và nhà nói trên ông L yêu cầu được quản lý sử dụng để thờ cúng ông bà.

Ông L đồng ý với kết quả đo đạc định giá và xem xét thẩm định tại chỗ.

Trong quá trình tố tụng, đơn yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phùng Văn S và người đại diện theo ủy quyền của ông Phùng Văn S, ông Võ Trần Duy trình bày:

Khoảng N 1995 cha ông S là ông Phùng Văn N có chia ba phần đất mặt lộ và ba phần đất sau lộ cho ông S, ông Phích và ông Quyển. Sau khi được ông N cho đất thì anh ông S là Phùng Văn Phích có sang lại hai phần đất trước lộ và sau lộ cho Phùng Văn Quyển và sau đó thì ông Quyển được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào tháng 3/2003, do làm ăn thua lỗ nên ông S có thế chấp căn nhà cho bà Trần Thị Uy (con bà Phùng Thị Đa) với số tiền 50.000.000 đồng (N mười triệu đồng). Đến N 2015 thì ông S chuộc lại căn nhà. Sau khi ông N mất và an tán xong thì anh chị em trong gia đình đến UBND xã M1 ký tên và cho ông S thừa kế ngôi nhà và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông S có hai người con và chia ngôi nhà thành hai phần là thửa 335, tờ bản đồ số 27, diện tích 70,9m^2 và thửa số 336, tờ bản đồ số 27, diện tích 72,7m^2 cùng tọa lạc tại ấp B1, xã M1, huyện B2, tỉnh Bến Tre. Hiện nay, ông S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 14/07/2018. Phần đất lúa diện tích 1.838m^2 thuộc thửa đất số 148, tờ bản đồ số 03 do cha ông S để lại cho ông S cúng giỗ ông Phùng Văn Phê suốt đời và được S đồng ý của các anh chị em gồm: Phùng Thị Đa, Phùng Văn Quyển, Phùng Văn Phích, Phùng Thị Sết, Phùng Thị Sử, Phùng Thị Chung đồng ý ký tên thành hai biên bản. Phần đất số 148, tờ bản đồ

số 3 nay là thửa 135, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.604,6m^2 hiện nay do ông S đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 14/07/2018. Phần đất thuộc thửa 244, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.288m^2 tọa lạc tại ấp B1, xã M1, huyện B2, tỉnh Bến Tre nay thuộc thửa 284, tờ bản đồ số 14, diện tích 3076,8m^2 ông Phùng Văn Quyển nhận để làm lễ giỗ ông Phùng Văn N và bà Phạm Thị Ba.

Vì vậy ông S không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì ông S nhận thừa kế các thửa đất nêu trên là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Di chúc mà nguyên đơn cung cấp là không đúng và yêu cầu tuyên bố hủy tờ di chúc ngày 19/9/2012 của ông Phùng Văn N và bà Phạm Thị Ba.

Ông S đồng ý với kết quả đo đạc và định giá của Hội đồng định giá. Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phùng Thị Chung trình bày: tờ di chúc mà cha mẹ bà là ông Phùng Văn N và bà Phạm Thị Ba lộ là không hợp pháp, không có người làm chứng, di chúc lập vào thời điểm cha mẹ bà đã cao tuổi nên không minh mẫn. Bà đồng ý với lời trình bày của ông S.

- Ông Phùng Văn Phích trình bày: ông thống ngất với lời trình bày của ông S. - Ông Phùng Văn Quyển trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của ông L.

- Bà Phùng Thị Đa trình bày: bà thống nhất với lời trình bày của ông L.

- Bà Phùng Thị Sử trình bày: bà thống nhất với lời trình bày của ông S.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Phùng Văn L bà Phan Thị Hồng Huệ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu: Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất 148, tờ bản đồ số 3 và thửa 18, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại xã M1, huyện Ba Tr đã cấp cho ông S.

Yêu cầu được nhận phần đất thuộc thửa 148, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 135, tờ bản đồ số 07), diện tích 1.838m^2 (diện tích qua đo đạc thực tế là 1.630,7m^2), tọa lạc tại xã M1. Phần đất diện tích 218m2 (diện tích qua đo đạc thực tế là 137m^3) thuộc thửa 18, tờ bản đồ số 17 (nay là thửa 335, 336 cùng tờ bản đồ số 27), tọa lạc tại xã M1. Ngôi nhà thờ diện tích khoảng 116,8m^2 trị giá khoảng 47.000.000 đồng tọa lạc tại xã M1.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông S ông Võ Trần Duy và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S giữ nguyên trình bày, không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông L; đề nghị Hội đồng xét xử bác các yêu cầu khởi kiện của ông L. Đề nghị chấp nhận yêu cầu cầu phản tố hủy tờ di chúc do ông Phùng Văn N và bà Phạm Thị Ba lập ngày 19/9/2012.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Chung, ông Phích, bà Sết, bà Đa, ông Quyển, bà Sử vẫn giữ nguyên lời trình bày và không trình bày bổ sung gì thêm.

Sau khi hòa giải không thành TAND huyện B2 đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân S sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 13/07/2022 của Tòa án nhân dân huyện B2, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân S; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn L về việc yêu cầu yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất 148, tờ bản đồ số 3 và thửa 18, tờ bản đỗ số 17, tọa lạc tại xã M1, huyện B2 đã cấp cho ông S và yêu cầu được nhận phần đất thuộc thửa 148, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 135, tờ bản đồ số 07), diện tích 1.838m2 (diện tích qua đo đạc thực tế là 1.630,7m2), tọa lạc tại xã M1. Phần đất diện tích 218m2 (diện tích qua đo đạc thực tế là 137m2) thuộc thửa 18, tờ bản đồ số 17 (nay là thửa 335, 336 cùng tờ bản đồ số 27), tọa lạc tại xã M1. Ngôi nhà thờ diện tích khoảng 116,8m trị giá khoảng 47.000.000 đồng tọa lạc tại xã M1.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông ông Phùng Văn S về việc yêu cầu hủy tờ di chúc lập ngày 19/9/2012 của ông Phùng Văn N và bà Phạm Thị Ba.

Ngoài ra bản án còn tuyên chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét: sửa toàn bộ bản án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn L.

Bị đơn trình bày: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, yêu cầu giữ nguyên bản án cấp sơ thẩm.

Quan điểm luật sư: di chúc ngày 19/9/2012 là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc các đương S thỏa thuận phân chia di sản cho ông Phùng Văn S là không phù hợp do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm để chia di sản theo di chúc cho ông Phùng Văn L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân S; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân S, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phùng Văn L, giữ nguyên bản án dân S sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 13/7/2022 của TAND huyện B2, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được

thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của nguyên đơn ông Phùng Văn L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Phùng Văn L kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn L.

[2] Về nội dung:

Ông Phùng Văn N và bà Phạm Thị Ba là vợ chồng, ông N có đứng tên quyền sử dụng đất có nhiều thửa đất, trong đó có thửa 18, tờ bản đồ số 17 diện tích là 218m^2, cấp quyền sử dụng vào N 2006, thửa 148, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.838m^2 cấp N 2004 cùng tọa lạc tại xã M1, huyện B2. N 2016 bà B1 chết, N 2017 ông N chết. Sau khi ông N chết các con cũng là đồng thừa kế của ông N đã thuận phân di sản là quyền sử dụng đất của ông N, bà B1 để lại trong đó có thửa 18 và thửa 148 cho ông Phùng Văn S đứng tên quyền sử dụng.

Ông Phùng Văn L là cháu nội của ông N, bà B1 không đồng ý việc phân chia di sản nên yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc do ông N, bà B1 để lại đối với thửa 18 và thửa 148 mà ông Phùng Văn S đã đứng tên, đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 148, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa 135, tờ bản đồ số 07), diện tích 1.838m^2 (diện tích qua đo đạc thực tế là 1.630,7m^2) và thửa 18, tờ bản đồ số 17, (qua đo đạc thực tế diện tích 137m^2 thuộc thửa 335 và 336) và ngôi nhà trên đất, tọa lạc tại xã M1, huyện B2 đã cấp quyền sử dụng đất cho ông S.

Bị đơn ông Phùng Văn S không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì ông S nhận phân chia thừa kế các thửa đất nêu trên là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Di chúc mà nguyên đơn cung cấp là không đúng và yêu cầu tuyên bố hủy tờ di chúc ngày 19/9/2012 của ông Phùng Văn N và bà Phạm Thị Ba.

[3] Về nguồn gốc thửa đất:

Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa 135, tờ bản đồ số 07), diện tích 1.838m^2 (diện tích qua đo đạc thực tế là 1.630,7m^2), tọa lạc tại xã M1, có nguồn gốc vào N 2002 UBND huyện B2 ban hành quyết định và theo Quyết định 815 của Chính Phủ, ghi nhận thời điểm này ông Tống Viết Nhen giao thửa 148 với diện tích 1.722m^2 cho hộ ông Phùng Văn N, N 2003 ông N đăng ký kê khai thửa 148 với hình thức là hộ, đến N 2004 thì cấp quyền sử dụng cho hộ ông Phùng Văn N.

Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 17 (nay là thửa 335, 336 cùng tờ bản đồ số 27, qua đo đạc thực tế diện tích 137m^2) cùng ngôi nhà trên đất, tọa lạc tại xã M1, B2 có nguồn gốc ông bà để lại, ông N kê khai và được cấp quyền sử dụng vào N 1996, sau đó cấp đổi lại vào N 2006 do ông Phùng Văn N đứng tên.

Sau khi ông N mất thì anh chị em trong gia đình đến Ủy ban nhân dân xã M1 ký tên và cho ông S thừa kế và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 148 và thửa 18, sau đó ông S đã cho hai người con và chia thành hai phần là thửa số 335, tờ bản đồ số 27, diện tích 70,9m^2 và thửa số 336, tờ bản đồ số 27, diện tích 72,7m^2 cùng tọa lạc tại ấp B1, xã M1, huyện B2, tỉnh Bến Tre có căn nhà của ông N, bà B1 cho ông S lúc còn sống và sau đó căn nhà này xuống cấp nên ông S đã xây dựng và tu bổ lại để sử dụng ổn định.

[4] Về quá trình sử dụng đất và lời khai của các bên có cơ sở xác định thửa đất số 148, tờ bản đồ số 3 (nay là thửa 135, tờ bản đồ số 07), diện tích 1.838m^2 (diện tích qua đo đạc thực tế là 1.630,7m^2), tọa lạc tại xã M1 và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 17 (nay là thửa 335, 336 cùng tờ bản đồ số 27 diện tích 137m^2), tọa lạc tại xã M1 mặc dù có nguồn gốc từ ông Phùng Văn N là cha của ông Phùng Văn S nhưng sau khi ông N mất thì ông S là người quản lý sử dụng và được S đồng ý của các con ông N theo văn bản phân chia thừa kế được lập tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện B2 nên ông S làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất nói trên, phân đất này qua xác minh thì ông S là người chung sống với ông N, bà B1 lúc còn sống và sau này trong quá trình quản lý sử dụng thì không xảy ra bất kỳ tranh chấp nào.

[5] Xét tờ di chúc ngày 19/09/2012 của ông Phùng Văn N và bà Phạm Thị Ba lập mặc dù thõa mãn hình thức di chúc nhưng tờ di chúc gồm 02 tờ, 03 trang, trên mỗi trang không được ghi số thứ tự, chữ ký hoặc điểm chỉ của ông N, bà B1 là không đúng với quy định tại Điều 653 Bộ luật dân S 2005, nay là khoản 3 Điều 631 Bộ luật dân sự 2015. Việc chứng thực cũng không đúng với quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định 23 N 2015 của Chính Phủ về chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch, cụ thể "*… Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch. Trường hợp hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai*."

HĐXX có cơ sở xác định tờ di chúc được chứng thực không đúng với pháp luật nên di chúc không có hiệu lực pháp luật toàn bộ theo Điều 643 Bộ luật dân S quy định. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm các đương S đều thừa nhận sau khi ông N chết thì tất cả các anh, chị, em đều được hưởng di sản của ông N, bà B1 để lại thông qua S đồng ý thuận phân của các anh, chị, em trong gia đình và không có tranh chấp nào liên quan đến di sản của ông N, bà B1.

[6] Từ các phân tích trên, HĐXX xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phùng Văn L không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân S phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phùng Văn L phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Văn L.

Giữ nguyên Bản án dân S sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 13/07/2022 của TAND huyện B2, tỉnh Bến Tre

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân Sự;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân S 2015; Điều 691, 705, 706, 707, 709, 712 Bộ luật dân S N 1995; Điều 166, 167 Luật đất đai;

Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn L về việc yêu cầu yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất 148, tờ bản đồ số 3 và thửa 18, tờ bản đỗ số 17, tọa lạc tại xã M1, huyện B2 đã cấp cho ông S và yêu cầu được nhận phần đất thuộc thửa 148, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa 135, tờ bản đồ số 07), diện tích 1.838m^2 (diện tích qua đo đạc thực tế là 1.630,7m^2), tọa lạc tại xã M1. Phần đất diện tích 218m^2 (diện tích qua đo đạc thực tế là 137m^2) thuộc thửa 18, tờ bản đồ số 17 (nay là thửa 335, 336 cùng tờ bản đồ số 27), tọa lạc tại xã M1. Ngôi nhà thờ diện tích khoảng 116,8m trị giá khoảng 47.000.000 đồng tọa lạc tại xã M1.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông ông Phùng Văn S về việc yêu cầu hủy tờ di chúc lập ngày 19/9/2012 của ông Phùng Văn N và bà Phạm Thị Ba

3. Chi phí tố tụng (đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, thu thập hồ sơ quy trình, hồ sơ khiếu nại, định giá, giám định...): nguyên đơn ông Phùng Văn L phải chịu 8.998.000đ (tám triệu chín trăm chín mươi tám ngàn đồng) và nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho bị đơn ông Phùng Văn S số tiền là 5.000.000 đồng.

4. Về án phí DSST: Ông Phùng Văn L nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004928 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B2.

Ông Phùng Văn L được nhận lại số tiền 3.356.000đ (B2ệu ba trăm N mươi sáu ngàn đồng) nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004927 ngày 01/7/2019 và số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002668 ngày 11/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân S huyện B2.

Ông Phùng Văn S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002629 ngày 14/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân S huyện B2.

5. Về án phí DSPT: Ông Phùng Văn L phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008798 ngày 28/07/2022 của Chi cục Thi hành án dân S huyện B2, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân Sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân Sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân Sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B2;
- Chi cục THADS huyện B2;
- Các đương S;
- Phòng KTNV&THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Đức